

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2024
V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Ông Nguyễn Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, Thông báo thời gian mở phiên tòa số: 277/TB-TA ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lương Văn B**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 06 đường C, phường M quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Đình H**, sinh năm: 1996, địa chỉ: 345 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 15/12/2023 tại Văn phòng Công chứng Đình Xuân Hảo). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Đặng Anh V**, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ 37, phường P quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Bùi Trần Ngọc A**, sinh năm: 1992, địa chỉ: Tổ 37, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 26/12/2023 tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà). Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Bà **Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm: 1983, địa chỉ: Số 06 đường C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà **Bùi Trần Ngọc A**, sinh năm: 1992, địa chỉ: Tổ 37, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Văn B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lương Văn B và ông Phan Đăng Anh V trước đây có quen biết thân tình với nhau. Vào ngày 01/3/2017 ông V có vay của ông B số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay trong vòng 90 ngày kể từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/6/2017, lãi suất 3%/tháng và tiền lãi được trả vào ngày 30 hàng tháng, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2017. Từ ngày vay tiền cho đến nay ông V chưa hề thanh toán một khoản gốc, lãi nào cho ông B theo như cam kết.

ông V khai ông B từ khi cho vay đến nay không liên hệ đòi nợ là không đúng vì sau 03 tháng cho ông V mượn tiền, ông B đã nhắn tin đòi tiền nhưng ông V trốn tránh, vì lý do khó khăn xin ông cho thêm thời gian. Do có dịch bệnh Covid 19 nên hai người mất liên lạc. Khi xin được số điện thoại từ vợ ông V nói lại liên lạc thì ông V nói là đã trả hết từ năm 2017.

Ông Phan Đăng Anh V khai đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 327.000.000 đồng là không đúng sự thật, ông chưa nhận được bất cứ số tiền gốc và lãi nào từ ông V. Các file ghi âm mà ông V cung cấp thì ông thừa nhận là đúng giọng nói của các đương sự trong vụ án, tuy nhiên nội dung file ghi âm không chứng minh được ông V đã trả nợ, cụ thể:

ông V khai thời gian trả nợ là khoảng 4 đến 5 tháng sau khi vay, mà ngày vay là tháng 3 năm 2017, do vậy ngày trả là vào tháng 11, 12 năm 2017, tuy nhiên đoạn ghi âm thứ nhất thời gian vào ngày 17/4/2018 bên ông B có nói tại dòng thứ 3 *“Cái khoản nợ đó quá lâu và thực sự vợ chồng cháu đang gặp khó khăn về tài chính nên mới cần gấp chứ thật sự là từ tháng 7 V kêu là để cuối năm tháng 12 đi thì cháu kêu ừ cố gắng tháng 12 có tiền rồi gửi mình cũng được nhưng cái đợt tháng 12 cuối năm con cũng qua”*. Nếu ông V đã trả nợ thì ông V đã bác bỏ ngay giai đoạn đó. Đoạn ghi âm trên thể hiện hợp đồng đã kết thúc thì ông B đã đi đòi nợ ông V từ tháng 7 đến cuối năm 2017.

Ở đoạn ghi âm thứ 2 thời gian vào ngày 19/4/2018 thì ông V có đến nhà vợ chồng ông B để xin gia hạn thời gian thì bà Hương vợ ông B có: *"Hôm nay là ngày thứ năm ngày 19 tháng 4"* chứng minh đến ngày đó ông V vẫn còn đến nhà xin gia hạn trả nợ và ông V nói *"Thứ năm ngày 19 tháng 5 anh bảo là khi nào sẽ trả tiền"*. Hợp đồng kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2017, thì tối thiểu ngày 19/4/2018 mới quá hạn 01 năm nếu ông V đã thanh toán nợ ở thời điểm cuối năm 2017 thì không có lý do đến tháng 4 năm 2018 ông V còn đến gặp ông B để xin gia hạn trả nợ.

Từ 02 đoạn ghi âm trên cho thấy việc ông V cho rằng đã thanh toán nợ năm 2017 là không hợp lý, không chính xác.

Vì vậy, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đòi tài sản đề nghị Toà án buộc ông Phan Đăng Anh V trả lại khoản tiền 300.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Phan Đăng Anh V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Đăng Anh V trình bày:

Ông Phan Đăng Anh V thừa nhận vào ngày 01/3/2017 ông V có vay của ông B số tiền 300.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền ông V ký như ông B khai là đúng. Ông đã nhận đủ số tiền vay. Nay ông V khởi kiện ông đòi số tiền 300.000.000 đồng thì ông không đồng ý trả vì ông đã hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi. Thời gian trả là vào buổi chiều và không nhớ cụ thể ngày tháng, chỉ nhớ khoảng năm 2017 hoặc 2018 sau khi vay 4-5 tháng tại quán cà phê Tranh đường Yên Bái giao Nguyễn Thái Học ông V đã trả cho ông B số tiền 300.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo thỏa thuận 3%/tháng tương đương 27.000.000 đồng/3 tháng, tổng cộng là 327.000.000 đồng bằng tiền mặt. Lúc đó tiền đựng trong bao ni lông màu đen trao tận tay ông Lương Văn B. Khi giao nhận tiền ông B có mở ra xem nhưng không đếm từng tờ. Cuộc hẹn tầm 15 phút, vì không có hẹn trước nên không viết giấy nhận tiền, thời gian lâu nên không trích xuất camera, không tìm được người làm chứng.

Trong 06 năm qua đến trước khi nhận được đơn khởi kiện thì ông B không đến gặp trực tiếp, cũng không gửi bất cứ văn bản nào khác để làm rõ vấn đề ngay tại thời điểm trễ hạn thanh toán trong khi thông tin thường trú và số điện thoại liên lạc của ông V không thay đổi, nay ông B lại khởi kiện để đòi tiền là không hợp lý.

Về chứng cứ là file ghi âm do hai bên cung cấp thì ông V thừa nhận đúng là giọng nói của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị đơn đã thanh toán nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Bà là vợ hợp pháp của ông Lương Văn B. Khoản tiền ông B cho ông V vay là tài sản riêng của ông B không liên quan đến bà. Bà làm chứng sự việc ông B có tiến hành đòi nợ ông V, bà có tham gia sự việc như nội dung các file ghi âm mà nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra bà bổ sung thêm bằng chứng là File ghi âm ngày 16/3/2024 ông V có điện thoại cho bà muốn thương lượng trả nợ cho ông B. Không có việc ông V đã thanh toán nợ như ông V khai.

- Người làm chứng bà Bùi Trần Ngọc A trình bày:

Bà là vợ của ông Phan Đăng Anh V, việc vay tiền giữa ông B và ông V không liên quan đến bà. Bà có làm chứng sự việc vào ngày 17/4/2018 bà có đến nhà của ông Lương Văn B để hỏi rõ sự việc vay mượn tiền. Giữa bà, ông B, bà Hương vợ ông B có trao đổi về sự việc, có cung cấp file ghi âm để Toà án làm cơ

sở cho Tòa án giải quyết vụ án. Bà tin tưởng ông V đã thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ông B như ông V khai là đúng sự thật.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn B, buộc ông Phan Đăng Anh V phải thanh toán cho ông Lương Văn B số tiền 200.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” là tranh chấp về dân sự, bị đơn ông Phan Đăng Anh V cư trú tại quận Sơn Trà nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2017, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định vào ngày 01/3/2017 tại nhà của ông Lương Văn B, ông Phan Đăng Anh V có vay của ông Lương Văn B số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng trả hàng tháng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, lãi suất không thay đổi trong suốt thời gian vay, thời hạn vay là 90 ngày kể từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/6/2017, là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi phù hợp với quy định tại Điều khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Các bên đều thừa nhận bên cho vay là ông Lương Văn B đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay ông Phan Đăng Anh V. Các bên tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Nguyên đơn ông Lương Văn B khai khi hết hạn cho vay ngày 01/6/2017 cho đến nay ông V không trả lại tiền, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Phan Đăng Anh V trả lại khoản tiền cho vay 300.000.000 đồng. ông V khai vào khoảng vào tháng 11, 12 năm 2017 đã trả cho ông B số tiền gốc và lãi tổng cộng 327.000.000 đồng nên không còn nợ.

[2.3]. Nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ hợp pháp là Giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết được bị đơn thừa nhận và cũng xác nhận đã nhận đủ tiền vay, cung cấp các file ghi âm giữa hai bên và đã giao nộp cho Toà án.

Bị đơn cho rằng đã thanh toán toàn bộ khoản nợ, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc nguyên đơn xác nhận đã nhận tiền do bị đơn trả và cũng chưa huỷ Giấy vay tiền tuy nhiên có đưa ra bằng chứng nội dung file ghi âm giữa hai bên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị đơn đã thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Giấy vay tiền và file ghi âm do các bên cung cấp đã được các bên thừa nhận là chứng cứ hợp pháp nên Hội đồng xét xử làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4]. Căn cứ nội dung ghi âm ngày 17/4/2018 do bị đơn cung cấp thì thấy có nội dung bà Hương vợ ông B nói: *“Thế thì chị nói rõ, cái này là V trả nợ lại cho vợ chồng chị mới chỉ có 100. Và rõ ràng là một sự thật hiển nhiên là V có mượn tiền của vợ chồng chị, thứ 2 nữa là V chưa hề trả hết tiền cho vợ chồng chị...bên phía nhà chị thông báo với em á là khoản tiền đó V chưa trả hết, còn một khoản $\frac{2}{3}$ như vậy”*; ông B nói *“Cái vụ tiền nong bữa giờ thu xếp sao rồi Hải Tặc? Còn 200 triệu á”* và bà H vợ ông B có nói *“Thực sự cái khoản 200 này lớn rất là lớn với vợ chồng chị, đặc biệt là trong thời gian khó khăn kinh tế này”*.

Qua xem xét nội dung file ghi âm thể hiện nguyên đơn ông B và vợ ông B thừa nhận ông V đã thanh toán một phần khoản nợ, còn lại $\frac{2}{3}$ là 200.000.000 đồng do đó có căn cứ để xác định bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 200.000.000 đồng. Lời khai nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán bất cứ khoản nợ nào, có sự thay đổi số tiền trong file ghi âm chỉ còn 200.000.000 đồng là do thời điểm đó các bên đã thống nhất sẽ giảm bớt cho bị đơn một phần khoản nợ nếu trả nợ ngay do bị đơn gặp khó khăn là không hợp lý vì trong file ghi âm bà Hương có nói *“cái này là V trả nợ lại cho vợ chồng chị mới chỉ có 100”* chứ không đề cập đến việc nguyên đơn tự nguyện giảm bớt một phần nợ như nguyên đơn khai.

[2.5]. Căn cứ vào nội dung ghi âm do nguyên đơn cung cấp thì thấy tại đoạn ghi âm ngày 17/4/2018 ông B có nói *“cái khoản nợ đó quá lâu và thực sự vợ chồng cháu đang gặp khó khăn về tài chính nên mới cần gấp chứ thật sự là từ*

tháng 7 V kêu là để cuối năm tháng 12 đi thì cháu kêu ừ cố gắng tháng 12 có tiền rồi gửi mình cũng được nhưng cái đợt tháng 12 cuối năm con cũng qua". Ở đoạn ghi âm thứ 2 ngày 19/4/2018 thì bà H vợ ông B có nói tại dòng thứ 6 của đoạn ghi âm: "Hôm nay là ngày thứ năm ngày 19 tháng 4" và ông V nói "thứ năm ngày 19 tháng 5 anh bảo là khi nào sẽ trả tiền". Ở đoạn ghi âm thứ 3 ngày 16/3/2024 ông V có nói "Nợ chắc chắn anh trả là trả, chắc chắn. Đương nhiên điều đó đúng rồi mà đã trả hay chưa thì điều đó phải ngồi với nhau xác nhận là bao nhiêu cho nó có con số chính xác, tại thời điểm đã trả là bao nhiêu"

Căn cứ nội dung các đoạn ghi âm trên cho thấy đến ngày 19/4/2018 các bên còn trao đổi nội dung trả nợ vay theo đó thể hiện ông V vẫn chưa thanh toán hết nợ, đến ngày 16/3/2024 ông V còn trao đổi nội dung muốn các bên đối chiếu đã trả được bao nhiêu tiền do đó lời khai của bị đơn cho rằng đã thanh toán hết toàn bộ khoản nợ vào khoảng cuối năm 2017 là không có căn cứ.

[2.6]. Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở để xác định vào 2017 ông B có cho ông V vay số tiền 300.000.000 đồng, cho đến nay ông V đã thanh toán được số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng chưa thanh toán nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay còn lại 200.000.000 đồng theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 166 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp đòi tài sản*” của ông Lương Văn B đối với ông Phan Đăng Anh V.

1. Buộc ông Phan Đăng Anh V phải thanh toán cho ông Lương Văn B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B đối với ông Phan Đăng Anh V về yêu cầu thanh toán số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Đăng Anh Vy phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông Lương Văn B phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) ông Lương Văn B đã nộp theo biên lai thu số 0002887 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Còn lại hoàn trả cho ông Lương Văn B số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng